**Lý do nào mà Trạng nguyên Hồ Hưng Dật sang Tĩnh Hải quân?**

Hồ Tâm Thư

Là một trạng nguyên(1) ngày xưa thi để làm quan và có trách nhiệm với quốc gia đất nước, vậy tại sao thi vừa xong đạt danh hiệu cao quý ấy Hồ Hưng Dật lại liền sang Tĩnh Hải quân và làm quan thái thú Châu Diễn?

Hậu thế có nhiều cách giải thích lý do, có cách có dựa vào sử sách, gia phả xưa, tìm sự nhất quán logic của các sự kiện, có cách thì suy luận biện đủ lý do sao cho vuông cho lành, nhưng không dễ thuyết phục, nên che chỗ này hở chỗ kia!

Có người có địa vị cao trong Ban Lịch sử họ Hồ Việt Nam (LSHHVN) đã viết bài về Hồ Hưng Dật, nguyên tổ họ Hồ Việt Nam, nêu lý do rằng bên phương Bắc lúc đó chế độ hà khắc (xem bài Trạng nguyên Hồ Hưng Dật - Nguyên tổ họ Hồ Việt Nam(2)):

Theo Đại Việt sử ký toàn thư (ĐVSKTT), cũng như Việt Nam sử lược của Trần Trọng Kim: người Chiết Giang, đỗ Trạng Nguyên thời Hậu Hán (947 - 951) nằm trong thời Ngũ đại (906 - 960), là giai đoạn tan rã lần thứ hai của chế độ quân chủ Trung Quốc. Hậu Hán chỉ kéo dài 4 năm với hai đời vua là Hậu Hán đế Lưu Trí Viễn và Hán Ẩn đế Lưu Thừa Hữu (theo gia phả do tiến sĩ Hồ Sĩ Dương biên soạn). Chính sách của Hậu Hán rất tàn bạo: triều đình ban lệnh kẻ nào lén giữ một tấc da bò, không nộp hết cho triều đình thì bị xử tử. Vì vậy dân chúng trốn thuế và lánh đi (ĐVSKTT và Hồ Tông Thế phả (HTTP) cũng không thấy có dòng nào viết như vậy cả - HMC). Hồ Hưng Dật đã Nam tiến ngay sau khi đỗ Trạng nguyên, sang Giao Châu, chính sau cuộc cướp quyền của Dương Tam Kha (945 - 950) và đối đầu với cuộc nổi loạn Thập nhị sứ quân (945 - 967). Ông tìm nơi lánh nạn và kiếm kế sinh sống tại hương Bào Đột (xã Ngọc Sơn, huyện Quỳnh Lưu, Nghệ An)(3) - (Điều này còn phải xem lại có chính xác không? - HBT).

Như vậy Trạng nguyên Hồ Hưng Dật từ nơi loạn sang nơi loạn lại đi lánh nạn ở hương Bào Đột? Là một Trạng nguyên làm gì mà phải đi “lánh nạn” như vậy?

Rồi tác giả lại viết tiếp: Trạng nguyên Hồ Hưng Dật đến Hoan Châu, ông quen với Đinh Công Trứ, thân sinh Đinh Bộ Lĩnh. Khi Đinh Bộ Lĩnh dấy quân dẹp các sứ quân, có đến gặp ông, thăm dò xem ông có tham gia dấy quân không. Ông có góp ý với Đinh Bộ Lĩnh về kế hoạch dẹp loạn sứ quân. Còn việc tham gia dấy binh thì ông thổ lộ với Đinh Bộ Lĩnh là mới lưu lạc đến đây, chỉ xin “vạn đại vi dân” (theo Hồ tộc phả ký của Hồ Sĩ Phôi). Thế là sau một cuộc Nam tiến từ đất Chiết Giang xưa là Ngô Việt nằm trong địa bàn Bách Việt, để tránh Hán hoá, ông đã đến xứ sở Lạc Việt, hoà nhập với cộng đồng. Sách cũ còn ghi triết lý “phúc bất năng hưởng tận” của ông để con cháu đời đời chia sẻ với cộng đồng niềm vui, hạnh phúc(4).

Như vậy, không kể tính phi lý ở chỗ Hồ Hưng Dật sang Tĩnh Hải quân chứ không phải Giao Châu, năm khoảng 950 lại làm quen với Đinh Công Trứ mà ông này đã mất năm 940; ở đây lại có lý do là sợ bị Hán hóa nên Hồ Hưng Dật mới sang Việt Nam lúc đó (sau này có người nói chỉ còn một Lạc Việt chưa bị Hán hóa, không đúng, thế kỷ thứ 10 vùng tộc Việt ở Quảng Đông chưa bị Hán hóa và không chỉ vậy(5)?).

Cụ đường đường là trạng nguyên thi làm quan, phải có trách nhiệm, (khi chính quyền cần mới lấy trạng nguyên chứ không hẳn đậu đầu là được danh hiệu trạng nguyên) chứ không phải người bình thường. Sao lại lưu lạc với lánh nạn, tìm nơi lập nghiệp…? Đã có chí hướng (lý tưởng) sang phương Nam, Lạc Việt lập nghiệp hay tránh Hán hóa (mà như vậy thì phải suy tính từ rất sớm) thì cần gì đi thi trạng nguyên làm gì? Nếu ở lâu dài rồi các đời con cháu thành người Việt thật sự rồi thì có thể khác, như Lý Bí hoàng đế (Lý Nam Đế), hay kể cả một số thứ sử trong thời loạn 12 sứ quân, chẳng hạn.

Vậy vì sợ Hán hóa hay sợ chế độ hà khắc mà một trạng nguyên phải lánh nạn (thậm chí là trôi dạt sang) sang Tĩnh Hải quân như một dân thường? Sự tự nguyện sang này khác những người bất đồng với chính quyền bên đó, hay bị chính quyền bên đó truy bức, hay là người vì lý do gì đó mà đi làm ăn sang bên này? Hồ Hưng Dật là một trạng nguyên kia mà và mới thi xong là sang ngay là sao?

Về thời điểm sang Tĩnh Hải quân theo quan niệm này thì hoặc năm 950 hoặc 932-936 khi nước nhà tương đối bình yên, tự chủ, độc lập…

Còn sách Họ Hồ Việt Nam - Cội nguồn và phát triển, tr/23- 24 ghi như sau:

Đất nước Trung Hoa có truyền thống thi cử khoa bảng lâu đời, rất trọng dụng danh nho. Ngài đỗ Trạng nguyên, là Nho thần, nhưng lại sang An Nam làm chức quan Thái thú lộ Diễn Châu (lộ Châu Diễn là đời Trần, đời Ngô là Hoan Châu, không còn Châu Diễn, trước Ngô Vương là Châu Diễn - HBT). Vì vậy, đời sau khi chép tư phả nói về nguyên nhân Nguyên tổ sang Giao Châu (Tĩnh Hải quân chứ không phải Giao Châu - HBT) theo hai thuyết: “sang” và “cử sang”.

Chính sử và phả cổ chép “sang” làm Thái thú lộ Diễn Châu và hầu hết các bản tư sử, tư phả ghi “sang lánh nạn”, hoặc “dịch cư sang” (bản nào trang bao nhiêu - HBT) rồi được cử làm quan; còn Sử quán triều Nguyễn viết “trôi dạt” sang rồi làm quan ở Diễn Châu… Những bút tích này tuy văn tự diễn đạt có khác nhau nhưng cùng một nội hàm là do một hoàn cảnh nào đó mà Trạng nguyên Hồ Hưng Dật tự di cư sang Giao Châu rồi được vương triều nhà Ngô trọng dụng làm Thái thú lộ Diễn Châu. Thuyết này tương đối phù hợp với bối cảnh lịch sử của nước ta và Trung Quốc đầu thế kỷ thứ 10.

Ở nước ta, năm 905, nhà ái quốc Khúc Thừa Dụ đã lãnh đạo nhân dân An Nam đứng lên lật đổ viên “Tiết độ sứ” cuối cùng do nhà Đường cử sang, giành quyền cai quản An Nam. Đến thời Ngô Quyền với uy danh chiến thắng quân Nam Hán trên sông Bạch Đằng đã xưng Vương lãnh đạo đất nước, bãi bỏ chế độ Tiết độ sứ do chính quyền đô hộ phương Bắc áp đặt trước đây, bắt tay vào củng cố xây dựng chính quyền Nhà nước độc lập tự chủ từ trung ương đến các địa phương. Còn ở Trung Quốc, vào đời Hậu Hán Ngũ Đại cục diện loạn lạc “Năm đời Mười nước” đã kéo dài hơn 40 năm và đang tiếp diễn khốc liệt. Nhà Hậu Hán sau khi đánh đổ Hậu Tấn đang thống trị Trung Nguyên nhưng cũng chỉ tồn tại được 4 năm (947-950); trong đó, Hán Cao Tổ (Lưu Cảo, còn có tên khác là Lưu Trí Viễn) làm vua từ năm 947-949, Hán Ẩn đế (Lưu Thừa Hựu) lên ngôi chỉ đầu năm 950, cuối năm đó bị nhà Hậu Chu lật đổ. Sự kiện thay vua, đổi triều này rất nhạy cảm, có thể liên quan đến sự kiện Trạng nguyên Hồ Hưng Dật sang An Nam(6). Do ý thức hệ Nho giáo “trung quân chỉ thờ một chủ”, hay vì một căn nguyên nào đó mà Ngài bất hợp tác với vương triều mới (mới thi trạng nguyên xong đã làm gì đâu mà xung đột, bất hợp tác, nghe rất khiên cưỡng - HBT), rồi tìm đường di cư sang nước ta (lại sang nơi lạ nước lạ cái và đang loạn các sứ quân?- HBT)? Và, triều đình Hậu Ngô Vương đang gặp muôn vàn khó khăn, rất cần sự hợp tác với người tài giỏi xuất chúng (tại sao mới sang mà ta đã biết đã tin - HBT) như Trạng nguyên Hồ Hưng Dật nên vời ra làm Thái thú cai quản đất Diễn Châu. Sự việc này đã từng có trong tiền lệ dưới thời Ngô Vương, một số người phương Bắc di cư sang nước ta lánh nạn và đã có những người được bổ dụng làm quan.

Hồ Quốc Toản cho rằng “Với những thuyết cho rằng “phụng mệnh sang”, “được cử sang” là không đúng với thực tế lịch sử của nước ta và Trung Quốc đầu thế kỷ thứ 10”.

Hồ Quốc Toản còn giải thích công trạng thời gian Hồ Hưng Dật làm chức thái thú Châu Diễn:

Trong bối cảnh dòng họ thống trị mất ổn định, đất nước đứng trước hiểm họa từ các nước lân bang đe dọa nghiêm trọng đến nền độc lập dân tộc, nhưng không thấy sử sách ghi chép các cuộc xâm chiếm của Chiêm Thành ở phía Nam và Lão Qua ở phía Tây vào đất Diễn Châu thời Hậu Ngô Vương; cũng không có những cuộc nổi dậy của thổ hào, châu mục cầm đầu dân chúng chống lại chính quyền sở tại. Ở một mặt khác, Ngài Thái thú đã thẳng tay trừng trị bọn gian tặc, khen thưởng người lành, chiêu mộ lưu dân, chỉ bảo dân chúng khai hoang, làm thủy lợi, dạy nghề làm ruộng, trồng cây, chăn nuôi, mở mang sản xuất, lưu thông hàng hóa, biết bảo vệ xóm làng; ban hành nhiều chính sách có lợi cho dân, làm cho dân chúng đoàn kết hòa thuận, xã hội yên bình; khi có người kiện tụng thì khuyên bảo làm cho họ giác ngộ, ai nấy đều cảm hóa… Thời Ngài trị nhiệm Thái thú, đất Diễn Châu yên bình, dân chúng no ấm mà nhiều châu quận khác không có được (là một suy luận đẹp, nhưng không có nguồn sử liệu nào nói vậy cả - HBT)!

Mặc dù Trạng nguyên Thái thú Diễn Châu là một thế lực lớn cả về danh tiếng, uy thế chính trị, kinh tế, quân sự và đang cai quản địa bàn trọng yếu xa cách Cổ Loa hàng nghìn dặm và với đội quân bản bộ cùng lực lượng dân binh hùng hậu, có thế trận phòng thủ tại chỗ của địa hình rừng núi hiểm trở… Nhưng Ngài không tranh bá đồ vương, không quay lưng biệt lập với triều đình mình phụng sự, chỉ bày tỏ quan điểm ủng hộ lực lượng tiến bộ phù hợp với xu hướng xã hội đương thời (nhấn mạnh - HBT), đó là sứ quân Đinh Bộ Lĩnh (liên kết với sứ quân Trần Lãm ở Thái Bình và được giao trông coi binh quyền (câu này thật mâu thuẫn - HBT).

Sau khi Đinh Bộ Lĩnh dẹp xong các sứ quân chuẩn bị lên ngôi Hoàng đế (967), Ngài xin từ nhiệm việc nước, lui về hương Bào Đột định cư lập nghiệp, triệu cơ(7) ấp và làm Trại chủ (hết trích).

Nhưng Hồ Quốc Toản đã không chú ý thời loạn 12 sứ quân thì Ngô Nhật Khánh đã làm thứ sử Châu Hoan thay cho Đinh Bộ Lĩnh và thời gian 966-967 là Đinh Liễn nhiếp Châu Hoan thì không biết Hồ Hưng Dật làm thái thú “Châu Diễn” lúc nào! Từ phương Bắc sang làm Thái thú/ Thứ sử vài ba năm (sách HHVNCN&PT ghi là trong thời gian ngắn rồi chán cảnh quan trường xin về là trại chủ) mà có kết quả lớn vậy sao? Cũng cần trả lời sao Hồ Hưng Dật không thích làm quan ở Việt Nam dù thi trạng nguyên là để làm quan lớn ở phương Bắc?

Những người không tán thành quan niệm loại này (của Ban sử HHVN hay của tác giả nói trên) thấy lý do không thuyết phục mà chỉ giải thích gượng ép như vậy cho vuông cho lành mà thôi.

Trong khi đó, các sử liệu rõ ràng ghi như: (1) ĐVSKTT: Hồ Hưng Dật sang làm thái thú Châu Diễn (ghi vậy không rõ tự sang hay cử sang, thực ra ghi như vậy nghiêng về cử sang (định trước) hơn là tự sang - HBT); (2) Hồ tông thế phả (HTTP bản PDF) của Hồ Sỹ Dương, Hồ Sỹ Đồng viết: “Hồ Hưng Dật phụng mệnh sang nước ta làm thái thú lộ Châu Diễn (NXBKHXH, 2021, tr 24); (3) Hồ Gia phả ký (Hồ Sĩ Thực) ghi: Hồ Hưng Dật là Nho thần được cử sang (phụng mệnh đi sứ) làm Thái thú lộ Diễn Châu; (4) Sách HHVNCN&PT (2019), tr.23, Hồ Quốc Toản cũng nêu từ lâu đã có 2 giả thuyết tự sang và cử sang.

Xem thêm sử liệu: Hồ Gia phả ký (Hồ Sĩ Thực): TS Nguyễn Hữu Tâm giới thiệu về một bộ Gia phả của họ Hồ với tiêu đề 胡家譜記 (Hồ gia phả ký), kí hiệu Thư viện: HV.70, sách được đóng chung với 歡州阮景家記 (Hoan Châu Nguyễn Cảnh gia ký).

Tờ 1a có 4 chữ đại tự 胡家譜記 (Hồ gia phả ký), tờ 1b có bài 胡家譜贊 (Hồ gia phả tán), do Sinh đồ Hồ Sĩ Thực người trong họ ở Quỳnh Đôi viết 瓊堆胡族生徒胡士實.

Nội dung bài Tán như sau: “Dấu tích cổ xưa từ thuở ban đầu, người Chiết Giang của Bắc quốc, phụng mệnh đi sứ sang phương Nam, giữ chức Thái thú vùng đất Diễn Châu. Con cháu ngày càng sinh trưởng. Gia thế ở tại phương Nam, chi phái họ ta từ đó mà được phát triển.

Từ tờ 2 b bắt đầu của phần 家譜實錄 (Gia phả thực lục) nghĩa là Ghi chép sự thực về Gia phả [họ Hồ], bao gồm 16 đời (thế hệ). Mở đầu sách giới thiệu về 遠祖世祖 (Viễn tổ Thế tổ ) như sau: Hồ tướng công tên tự là Hưng Dật (興逸), thi đỗ Trạng nguyên, từng giữ chức Thái thú. Hưng Dật là người nước Bắc, ở Phúc Kiến, Chiết Giang. Vua Nam Hán là Lưu Ẩn đang ở ngôi, khi đó ở Việt Nam là thời kỳ vua Ngô Quyền đang trị vì. Hồ Hưng Dật là Nho thần được cử sang làm Thái thú lộ Diễn Châu. Sau đó có Loạn 12 sứ quân, Hưng Dật đưa gia quyến đến trú ngụ ở Hương Bào Đột (xã Bào Giang sau này), tự xưng là Chủ trại. Con cháu sau này được sinh sôi phát triển(8)…

Phải chăng “Gia phả sau này suy diễn rồi viết vậy cho “hay”, “cho oai” từ “phụng mệnh”, “cử sang”? như có ý kiến nêu lên?

Những người theo thuyết Hồ Hưng Dật phụng mệnh sang/ được cử sang (chứ không phải tự sang, lánh nạn hay tránh Hán hóa), thì có những giải thích chung là khi Hồ Hưng Dật đậu trạng nguyên thì được cử làm quan trong nước hay đi sứ nước ngoài (phụng mệnh đi sứ phương Nam làm thái thú) hay về sau ở lại nước sở tại làm thái thú (thứ sử). Hoặc bên phương Bắc cử Hồ Hưng Dật làm thái thú Châu Diễn (khoảng trước sau năm 930, chứ không phải khoảng 950)… vì Tĩnh Hải quân vẫn phụ thuộc phương Bắc, dù tự chủ hay độc lập nhưng phương Bắc vẫn coi là quận huyện của họ, chỉ sang thời Đại Cồ Việt mới thực sự độc lập hoàn toàn.

Về thời điểm sang Tĩnh Hải quân theo quan niệm này thì khoảng 923-930 còn phụ thuộc Nam Hán (chuyển giao giữa Hậu Lương và Nam Hán)… Tuy nhiên tài liệu xưa thường nói là năm 923 thì Khúc Thừa Mỹ bị Nam Hán bắt, nhưng tư liệu mới nhất có tham chiếu tư liệu bên Trung Quốc thì chính thức năm 930 Khúc Thừa Mỹ bị Nam Hán bắt, sau đó Nam Hán xâm lược Tĩnh Hải quân. Năm 931 (chứ không phải 923 - 924) Dương Đình Nghệ đánh đuổi Nam Hán.

Hoặc cũng có ý kiến là Hồ Hưng Dật tự sang Tĩnh Hải quân vào năm 932-936 khi nước nhà tương đối bình yên, tự chủ, độc lập…

Có những điều cần thảo luận. Quan niệm phản đối về quan niệm cử sang/ phụng mệnh đi sứ phương Nam này, ủng hộ thuyết tự sang (lánh nạn hoặc sợ bị Hán hóa) như sau:

Về mặt tâm lý họ thấy rằng bên phương Bắc cử sang là thấy yếu tố ngoại bang, nhạy cảm, nên khuyên cần tránh, hoặc bỏ qua giả thuyết này, thậm chí nói “không được phép”… này nọ, dù đúng cũng lờ đi (?!)… và còn vì không đáng tin cậy vào sử sách kể cả ĐVSKTT. Thế thì còn gì là khoa học, chỉ còn kiểu sao cho phải đạo, thuần túy đạo lý! Vấn đề là phân tích có chọn lọc xem như thế nào! Khoa học là khám phá sự thật chứ không phải chọn nơi “lành hơn” để tránh.

Ý họ không tán thành còn là: sao thời đó chỉ có một mình thái thú (ngoại bang) ở nước ta và vì nước nhà tự chủ rồi sao bên kia cử sang được (sự thật lúc đó quan đầu châu chỉ một mình Hồ Hưng Dật từ bên Bắc quốc sang - HBT?...

Rõ ràng ý kiến này hiểu không đúng chức thái thú cứ là ngoại bang và của bên xâm lược, còn thứ sử là không(9) (mặc cảm chính trị phi lịch sử). Ngay nhà Trần, nhà Hồ sau này vẫn sử dụng chức thái thú phong cho quan chức của mình.

Có ý kiến (giải thích) cho rằng, không phải Trạng nguyên Hồ Hưng Dật thi ở Ngô Việt hay ở Hậu Hán Ẩn đế mà là ở Nam Hán, lúc đầu là cùng tộc Việt. Và cùng với ý kiến này, cho rằng Nam Hán cử hay bắt buộc Hồ Hưng Dật đi sứ phương Nam làm thái thú vùng Châu Diễn, khoảng năm 930 hay trước năm 930 (923- 930) là hợp lý. Đó cũng là một giả thuyết.

Nhìn chung hiện nay vẫn có hai giả thuyết tự sang và cử sang. Nhưng xét về lý và logic thì cử sang có lý hơn với một trạng nguyên vừa thi đỗ đạt xong, còn tự sang do lánh nạn hay do sợ Hán hóa là gượng ép, nói cho vuông, cho an toàn, cho đúng tâm lý dòng tộc mà thôi. Dù cử sang thì cũng không thay đổi được bản chất và cống hiến cho dân Việt, dân tộc Việt vùng xứ Nghệ (Hoan Châu) của Trạng nguyên Hồ Hưng Dật.q

**Chú thích**

1. Trạng nguyên xưa vừa là một học vị cao nhất vừa là một tước hiệu tương tự như cố vấn cao cấp nhất cho vua cho triều đình.

2. http://vusta.vn/chitiet/tin-tuyen-sinh-dao-tao/Ho-Hung-Dat-nguyen-to-ho-Ho-Viet-Nam-1011.

3. http://vusta.vn/chitiet/tin-tuyen-sinh-dao-tao/Ho-Hung-Dat-nguyen-to-ho-Ho-Viet-Nam-1011.

4. http://vusta.vn/chitiet/tin-tuyen-sinh-dao-tao/Ho-Hung-Dat-nguyen-to-ho-Ho-Viet-Nam-1011.

5. Vùng Bách Việt phía Tây Nam này (Vân Nam) thì mãi đến thế kỷ 12 còn độc lập, dù người Hán có tiến hành nhiều cuộc chiến tranh xâm chiếm lẻ tẻ. Chỉ sau khi Mông Cổ chiếm Đại Lý (1253), Vân Nam, rồi sau đó chiếm nốt Trung Hoa, lập ra nhà Nguyên, thì Vân Nam mới nhập vào Trung Hoa. Năm 1381, Minh Thái Tổ mới bình định xong Vân Nam và cuộc Hán hóa hoàn tất rất nhanh. Ngày nay hơn 61% cư dân Vân Nam là người Hán/ https://tiasang.com.vn/-dien-dan/Nhin-lai-lich-su-Bach-Viet-va-qua-trinh-Han-hoa-Bach-Viet-10022.

6. Ý này chứng tỏ là Hồ Quốc Toản cho rằng Hồ Hưng Dật thi trạng nguyên tại vương quốc Hậu Hán, một chế độ tồn tại có gần 4 năm, với 2 vua thì làm gì đủ thời gian nhân tài tổ chức thi đại khoa lấy trạng nguyên, dù theo thể chế cũ nhà Đường. Trong khi đó vương quốc Ngô Việt không liên quan gì đến Hậu Hán Ngũ quý này cả. Thật vô lý hết sức. Thời này chỉ có Nam Hán là quốc gia tồn tại từ 917- 971 hơn 55 năm tổ chức 47 kỳ thi đại khoa và tuyển được 24 trạng nguyên. Số liệu này cũng có tư liệu nói là của thời Ngũ đại (907-960) Thập quốc (907- 979). Nam Hán xâm lược nước ta năm 930 và 938.

7. Triệu cơ: dựng nền móng; khai cơ: dựng nên cơ nghiệp.

8. Theo Tiến sĩ Nguyễn Hữu Tâm, nguyên Giám dốc thư viện, Viện Sử học, Viện Hàn lâm KHXHVN, trong sách Hồ Duy Diễm, Hồ Minh Châu, Hồ Bá Thâm, Hồ Minh Hiệu, Hồ Cảnh Sơn, Một hướng tiếp cận lịch sử họ Hồ VN, Nxb Đại học Quốc gia TPHCM, 2019, tr.216-219.

9. Xem thứ sử Lý Khắc Chính. Lý Tiến, Kiêu Công Tiễn thì rõ.